

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS nắm được :

- Từ vựng của một ngôn ngữ không ngừng phát triển.
- Sự phát triển của từ vựng được diễn ra trước hết theo cách phát triển nghĩa của từ thành nhiều nghĩa trên cơ sở nghĩa gốc. Hai phương thức chủ yếu phát triển nghĩa là ẩn dụ và hoán dụ.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội. Nó không ngừng biến đổi theo sự vận động của xã hội.

Sự phát triển của tiếng Việt, cũng như ngôn ngữ nói chung, được thể hiện trên cả ba mặt : ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Bài học này chỉ đề cập đến sự phát triển của tiếng Việt về mặt từ vựng (có đơn vị là *từ* và *ngữ cố định*, thường được gọi chung là *từ ngữ*).

2. Sự phát triển của từ vựng diễn ra theo hai cách :

- a) Phát triển nghĩa của từ ngữ.
- b) Phát triển số lượng các từ ngữ.

Tương ứng với hai cách nêu trên, SGK trình bày vấn đề sự phát triển của từ vựng thành hai tiết học riêng.

Sau đây là một số điều cần lưu ý đối với hiện tượng phát triển nghĩa của từ ngữ.

3. Hầu hết các từ ngữ khi mới hình thành chỉ có một nghĩa. Qua quá trình phát triển, từ ngữ có thêm nghĩa mới. Khi nghĩa mới hình thành mà nghĩa cũ không bị mất đi thì kết cấu nghĩa của từ ngữ trở nên phong phú hơn, phức tạp hơn và xuất hiện cái gọi là từ ngữ nhiều nghĩa. Nhờ đó, từ ngữ có khả năng biểu đạt nhiều khái niệm hơn, nghĩa là từ vựng có khả năng đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhận thức và giao tiếp của người bản ngữ.

4. SGK cũng đề cập đến hai phương thức chủ yếu trong sự phát triển nghĩa của từ ngữ : phương thức ẩn dụ và phương thức hoán dụ.

HS đã được học khái niệm ẩn dụ và hoán dụ ở lớp 6. Tuy nhiên, khi đó các em mới chỉ học ẩn dụ và hoán dụ như là những biện pháp tu từ "nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt" (*Ngữ văn 6*, tập hai). Trong bài này, HS được học một loại ẩn dụ khác và một loại hoán dụ khác, thường được gọi là ẩn dụ ngôn ngữ (hay ẩn dụ từ vựng học) và hoán dụ ngôn ngữ (hay hoán dụ từ vựng học) để phân biệt với ẩn dụ lời nói (hay ẩn dụ tu từ học) và hoán dụ lời nói (hay hoán dụ tu từ học) đã học. GV không cần nêu tất cả những thuật ngữ này, tránh gây khó hiểu cho HS.

Điều quan trọng cần phân biệt là : Tuy đều là hiện tượng gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng (ẩn dụ) hoặc có quan hệ tương cận (hoán dụ), nhưng ẩn dụ tu từ và hoán dụ tu từ (các biện pháp tu từ) chỉ làm xuất hiện nghĩa lâm thời của từ ngữ, còn ẩn dụ từ vựng và hoán dụ từ vựng (các phương thức phát triển nghĩa của từ ngữ) làm cho từ ngữ có thêm nghĩa chuyển, nghĩa chuyển này được đông đảo người bản ngữ thừa nhận, vì thế có thể được giải thích trong từ điển.

5. Có những nghĩa chuyển được hình thành từ rất lâu, người bản ngữ ở một thời điểm nào đó trong quá khứ cảm nhận là mới nhưng hiện nay nó không còn mới nữa. Nhưng cũng có những nghĩa chuyển được hình thành gần đây nên có thể thấy rõ là mới. SGK chú ý sử dụng ngữ liệu thuộc cả hai loại để HS có được nhận thức toàn diện về sự phát triển nghĩa của từ ngữ.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1

Bước 1. GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã học ở lớp 8 để giải thích nghĩa của từ *kinh tế* trong bài *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* và trả lời câu hỏi.

– Từ *kinh tế* trong bài thơ *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* có nghĩa là gì ?

Từ *kinh tế* trong bài thơ là hình thức nói tắt của *kinh bang tế thế*, có nghĩa là trị nước cứu đời (có cách nói khác là *kinh thế tế dân*, nghĩa là trị đời cứu dân). Cả câu thơ ý nói tác giả ôm ấp hoài bão trông coi việc nước, cứu giúp người đời.

– Ngày nay, chúng ta có hiểu từ này theo nghĩa như cụ Phan Bội Châu đã dùng hay không ?

Ngày nay ta không còn dùng từ *kinh tế* theo nghĩa như vậy nữa mà theo nghĩa : toàn bộ hoạt động của con người trong lao động sản xuất, trao đổi, phân phối và sử dụng của cải, vật chất làm ra.

– Qua đó, em có nhận xét gì về nghĩa của từ ?

Nghĩa của từ không phải bất biến. Nó có thể thay đổi theo thời gian. Có những nghĩa cũ bị mất đi và có những nghĩa mới được hình thành.

Bước 2. GV hướng dẫn HS đọc kĩ các câu thơ trong mục I.2 (SGK), yêu cầu các em xác định nghĩa của từ *xuân*, *tay* và cho biết nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển.

a) *Xuân* (thứ nhất) : mùa chuyển tiếp từ đông sang hạ, thời tiết ấm dần lên, thường được coi là mở đầu của năm (nghĩa gốc). *Xuân* (thứ hai) : thuộc về tuổi trẻ (nghĩa chuyển).

b) *Tay* (thứ nhất) : bộ phận phía trên của cơ thể, từ vai đến các ngón, dùng để cầm, nắm (nghĩa gốc). *Tay* (thứ hai) : người chuyên hoạt động hay giỏi về một môn, một nghề nào đó (nghĩa chuyển).

Bước 3. GV yêu cầu HS xác định trong trường hợp có nghĩa chuyển thì nghĩa chuyển đó được hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào.

a) *Xuân* : chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ.

b) *Tay* : chuyển nghĩa theo phương thức hoán dụ. (Trong trường hợp này là lấy tên bộ phận để chỉ toàn thể.)

Bước 4. Hệ thống hoá kiến thức. GV gọi một HS đọc phần *Ghi nhớ*.

Hoạt động 2. Hướng dẫn HS làm bài tập.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 1. Xác định các nghĩa của từ *chân*.

- a) Từ *chân* được dùng với nghĩa gốc.
- b) Từ *chân* được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức hoán dụ.
- c) Từ *chân* được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ.
- d) Từ *chân* được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ.

Bài tập 2. Trong những cách dùng *trà a-ti-sô*, *trà hà thủ ô*, *trà sâm*, *trà linh chi*, *trà tâm sen*, *trà khố qua (mướp đắng)*, từ *trà* đã được dùng với nghĩa chuyển, chứ không phải với nghĩa gốc như được giải thích ở trên. *Trà* trong những cách dùng này có nghĩa là sản phẩm từ thực vật, được chế biến thành dạng khô, dùng để pha nước uống. Ở đây từ *trà* chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ.

Bài tập 3. Trong những cách dùng như *đồng hồ điện*, *đồng hồ nước*, *đồng hồ xăng*,... từ *đồng hồ* được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ, chỉ những khí cụ dùng để đo có bề ngoài giống đồng hồ. Ở đây từ *đồng hồ* chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ.

Bài tập 4. Tìm ví dụ để chứng minh các từ đã dẫn là từ nhiều nghĩa.

a) *Hội chứng* có nghĩa gốc là : tập hợp nhiều triệu chứng cùng xuất hiện của bệnh. Ví dụ : "*Hội chứng viêm đường hô hấp cấp rất phức tạp*". Nghĩa chuyển là : tập hợp nhiều hiện tượng, sự kiện biểu hiện một tình trạng, một vấn đề xã hội, cùng xuất hiện ở nhiều nơi. Ví dụ : *Lạm phát, thất nghiệp là hội chứng của tình trạng suy thoái kinh tế*.

b) *Ngân hàng* có nghĩa gốc là : tổ chức kinh tế hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và quản lí các nghiệp vụ tiền tệ, tín dụng. Ví dụ : *Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam*.

Nghĩa chuyển là : kho lưu trữ những thành phần, bộ phận của cơ thể để sử dụng khi cần như trong *ngân hàng máu, ngân hàng gen*,... hay tập hợp các dữ liệu liên quan tới một lĩnh vực, được tổ chức để tiện tra cứu, sử dụng như trong *ngân hàng dữ liệu, ngân hàng đề thi*,... Trong những kết hợp này, nét nghĩa "tiền bạc" trong nghĩa gốc bị mất đi, chỉ còn nét nghĩa "tập hợp, lưu giữ, bảo quản".

c) *Sốt* có nghĩa gốc là : tăng nhiệt độ cơ thể lên quá mức bình thường do bị bệnh. Ví dụ : "*Anh ấy bị sốt đến 40 độ*."

Nghĩa chuyển là : ở trạng thái tăng đột ngột về nhu cầu, khiến hàng trở nên khan hiếm, giá tăng nhanh. Ví dụ : *con sốt đất, con sốt hàng điện tử...*

d) *Vua* có nghĩa gốc là : người đứng đầu nhà nước quân chủ. Ví dụ : "*Năm 1010 vua Lí Thái Tổ dời đô về Thăng Long.*".

Nghĩa chuyển là : người được coi là nhất trong một lĩnh vực nhất định, thường là sản xuất, kinh doanh, thể thao, nghệ thuật. Ví dụ : *vua dầu hoả, vua ô tô, vua bóng đá, vua nhạc rock...* Cần chú ý thêm, danh hiệu này thường chỉ dùng cho phái nam, đối với phái nữ người ta thường dùng từ *nữ hoàng*. Ví dụ : *nữ hoàng nhạc nhẹ, nữ hoàng sắc đẹp...*

Bài tập 5. Trong hai câu thơ : *Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng – Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*, từ *mặt trời* trong câu thơ thứ hai được sử dụng theo phép ẩn dụ tu từ. Tác giả gọi Bác Hồ là *mặt trời* dựa trên mối quan hệ tương đồng giữa hai đối tượng được hình thành theo cảm nhận của nhà thơ. Đây không phải là hiện tượng phát triển nghĩa của từ, bởi vì sự chuyển nghĩa của từ *mặt trời* trong câu thơ chỉ có tính chất lâm thời, nó không làm cho từ có thêm nghĩa mới và không thể đưa vào để giải thích trong từ điển.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1996.

– Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.

– Viện Ngôn ngữ học (Chu Bích Thu chủ biên), *Từ điển từ mới tiếng Việt*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.